

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HẢI CHÂU  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89** /2022/HSST

Ngày 21/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

**Với tHnh phần HĐXX sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Đặng Ngọc Kinh Luân**

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phạm Công Lương.**

2. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông **Nguyễn Trần Minh Tâm** - Cán bộ Toà án nhân dân quận H Châu, tHnh phố Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H Châu tham gia phiên toà:* Ông **Lê Nguyên Lương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H Châu, tHnh phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 76/2022/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

**Lê Bá H**, sinh ngày 09/3/1997; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố T, thị trấn T. P, huyện Q. X, tỉnh T. H; Chỗ ở hiện nay : Số 07 T. Q. V, phường H, quận N. H. S., tHnh phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Bá S và bà Bùi Thị T. Vợ : Nguyễn Thị Q, có 01 người con (sinh năm 2018 ); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, *có mặt*.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (các ông/bà):*

1. Bà Trần Thị L – Sinh năm 1966 – Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện H. V, THnh phố Đ.N, *vắng mặt*.

2. Ông Trần Công T – Sinh năm 1977 – Địa chỉ: Thôn M, xã D.P, huyện D. X, tỉnh Q.N, *vắng mặt*..

3. Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1958 - Địa chỉ: K56/2 N.X.H, phường P. H. T. Đ, Q. C. L, tHnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

4. Bà Lê Thị Q – Sinh năm 1954 – Địa chỉ: 04 T.S 14, phường. H. C. , quận H.C, tHnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

5. Bà Phạm Thị Lệ T – Sinh năm 1969 – Địa chỉ: 286 P.H, xã H. C, huyện H.V , tHnh phố Đà Nẵng, *vắng mặt*..

6. Bà Võ Thị Thúy H - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: K59/H07/08 N.T, phường. H.T.Đ, quận H. C, tHnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

7. Bà Nguyễn Thị Tuyết N – Sinh năm 1982 – Địa chỉ: K42/22 N. T H, phường H.T.T, quận H.C , tHnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

8. Bà Nguyễn Thị A – Sinh năm 1986 – Địa chỉ: Tổ 44, phường C.G Chính, quận T. K, THnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

9. Bà Đỗ Thị P - Sinh năm 1972 - Địa chỉ: thôn P, xã Đ. N, huyện Đ. L, tỉnh Q. N, *vắng mặt*..

10. Bà Huỳnh Thị Y – Sinh năm 1975 – Địa chỉ: K408/H39/1 T.N.V, phường H.T.Đ, quận H.C, tHnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

11. Bà Phan Thị H – Sinh năm 1973 – Địa chỉ: thôn N, xã H.P, huyện H.V, tHnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

12. Bà Trần Thị Kim C - Sinh năm 1970 - Địa chỉ: Thôn G, xã H.C, huyện H.V, tHnh phố Đ. N., *vắng mặt*.

13. Bà Lê Thụy T – Sinh năm 1982 – Địa chỉ: K129/94 T. L, P. H. C. B, quận H. C, tHnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

14. Bà Nguyễn Thị Nhật M - Sinh năm 1968 - Địa chỉ: 61 L.S, phường H.C.N, quận H. C, tHnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

15. Bà Huỳnh Thị Ngọc T – Sinh năm 1985 – Địa chỉ: thôn C. M, xã H. P, huyện H. V, tHnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

16. Bà Huỳnh Thị T H – Sinh năm 1969 – Địa chỉ: K69/9 Hoàng Thúc Trâm, P. Hòa Cường Bắc, Q. H Châu, THnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

17. Bà Cao Thị Bích N - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: 04 C.M, phường H. X, quận C.L THnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

18. Bà Nguyễn Thị Minh D - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: 30 N. H, phường A. H.T, quận S. T, THnh phố Đ.N, *vắng mặt*..

#### **NỘI D VU ÁN :**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 06/4/2022, tại phía đối diện nH số 59 Hồ NguY Trùng, phường Hòa Cường Nam, quận H Châu, TP Đà Nẵng, Cơ quan CSĐT Công an quận H Châu bắt quả tang Lê Bá H đang nhận số tiền 1.250.000 đồng trả góp cho khoản vay lãi nặng từ người vay là Nguyễn Thị H (*sinh năm: 1958; trú: K56/2 Nguyễn Xuân Hữu, THnh phố Đ.N*).

Qua đấu tranh mở rộng vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an quận H Châu khám xét khẩn cấp chỗ ở của H tại Phòng S202 căn hộ cho Tê số 07 đường Trần Quốc Vượng, P. Hòa H, Q. Ngũ Hnh Sơn, THnh phố Đ.N: Không phát hiện tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến hoạt động cho vay, vật chứng T giữ của H gồm:

- 145.444.000 đồng (bắt quả tang: 1.250.000 đồng; trong ví da: 1.040.000 đồng; H tự nguyện giao nộp: 143.154.000 đồng).

- 01 xe mô tô Yamaha Jupiter, màu xám - đen, biển số 92C1-260.05, số máy E3S1E079363, số khung 1340HY044509; 01 giấy mua bán xe; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Huỳnh Văn Tuấn.

- 01 ĐTDĐ hiệu Oppo Reno 3, màu đen, Imei 1: 860202042365990, Imei 2: 860202042982, gắn thẻ sim 1: 0966780122, thẻ sim 2: 0888136113;

- 01 ví da màu đen, kích thước (10x12)cm; 01 thẻ ngân Hng Vietcom Bank tên Lê Bá H, số tài khoản: 1016387998; 01 thẻ ngân Hng MB Bank mang tên Lê Bá H, số tài khoản: 0888136113;

- Bản sao kê tài khoản mang tên Lê Bá H tại các ngân Hng Vietcombank số 1016387998, MBbank số 0888136113, gồm 41 tờ, đánh số từ 271 đến 311.

- Trích sao lịch sử giao dịch tài khoản ngân Hng của: Cao Thị Bích N (*ABBank số 0451013036013*), gồm 11 tờ, đánh số từ 164 đến 174; Võ Thị Thúy H (*SHB số 1011094130*), gồm 02 tờ, đánh số từ 42 đến 43.

- Bản ảnh thể hiện việc chuyển tiền từ tài khoản ngân Hng MBbank số 0796605725 của Nguyễn Thị A đến tài khoản ngân Hng VietcomBank số 1016387998 của Lê Bá H.

- Bản ảnh thể hiện lịch sử cuộc gọi trong điện thoại di động hiệu Oppo Reno 3 màu đen T giữ của Lê Bá H (*bút lục: từ 231 đến 245*).

### **Quá trình điều tra xác định được như sau:**

Từ cuối năm 2020, Lê Bá H vào thành phố Đà Nẵng, tự xưng tên là Huy và bắt đầu hoạt động cho vay lãi nặng. Tháng 5/2021, do dịch bệnh Covid-19 phức tạp nên về quê ở tỉnh Thanh Hóa. Đến đầu năm 2022, H quay lại thành phố Đà Nẵng tiếp tục hoạt động cho vay lãi nặng. Phương thức là Q cáo dịch vụ “*cho vay không cần thế chấp, giải ngân nhanh*” trên Facebook và đặt in card visit, tờ rơi với nội D như trên, số điện thoại liên hệ là 0966.780.122.

Cách thức cho vay như sau: Trước khi cho vay, H trực tiếp đến nhà hoặc địa điểm buôn bán của người vay kiểm tra trước để đảm bảo khả năng người vay trả được tiền. Sau đó, tùy vào nhu cầu của người vay, H đưa ra các gói vay cho người vay lựa chọn, chủ yếu là gói vay 25 ngày, ngoài ra còn có gói 21 ngày và 32 ngày. Lãi suất chủ yếu là 365%/năm, ngoài ra còn có mức lãi 319%/năm hoặc 451%/năm, người vay sẽ trả góp tiền gốc và lãi hàng ngày tương ứng theo số ngày gói vay đã chọn. H T trước tiền góp của 02 ngày (là ngày đầu và ngày cuối gói vay) khi giải ngân gói vay. H tự đặt ra phí dịch vụ, từ 3% đến 6%. Khi cho vay, H yêu cầu người vay nói nội D “*tôi tên ... có vay của anh Lê Bá H số tiền ...*”, H dùng điện thoại quay video lại; một số trường hợp, H giữ sổ hộ khẩu hoặc chụp hình Căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân của người vay. H T tiền góp hằng ngày bằng hai cách thức: Sử dụng xe mô tô biển số 92C1-260.05 trực tiếp đến nH hoặc địa điểm buôn bán của người vay để T tiền; người vay chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Vietcom Bank của H, số tài khoản 1016387998.

Lãi suất H cho vay đã vượt quá mức quy định của pháp luật là 20%/năm, tương đương 0.0548%/ngày.

Với cách thức trên, Lê Bá H đã cho 18 người vay tiền, cụ thể:

**01. Trần Thị L:** Tháng 11/2020, L vay 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 300.000 đồng, pH trả 6.250.000 đồng, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. H Thu lợi 1.481.507 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 68.493 đồng, Thu lợi bất chính là 1.113.014 đồng*).

- Tháng 12/2020 đến tháng 5/2021, L vay 04 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 250.000 đồng/lần, pH trả 6.250.000 đồng/lần, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. L còn nợ H tiền gốc 550.000 đồng. H Thu lợi 5.385.754

đồng (trong đó: Tiền lãi theo quy định là 254.246 đồng, Thu lợi bất chính là 5.140.508 đồng).

**02. Trần Công T** Tháng 02/2021, T vay 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 150.000 đồng, pH trả 6.250.000 đồng, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. H Thu lợi 1.331.507 đồng (trong đó: Tiền lãi theo quy định là 68.493 đồng, Thu lợi bất chính là 1.263.014 đồng).

- Tháng 3/2021 đến tháng 2/2022, T vay 04 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 250.000 đồng/lần, pH trả 6.250.000 đồng/lần, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. H Thu lợi 5.726.028 đồng (trong đó: Tiền lãi theo quy định là 273.972 đồng, Thu lợi bất chính là 5.452.056 đồng).

- Giữa tháng 3/2022, T vay 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 200.000 đồng, pH trả 6.300.000 đồng, trong vòng 21 ngày, tương đương lãi suất 451,9%/năm. T còn nợ H tiền gốc 200.000 đồng. H Thu lợi 1.146.641 đồng (trong đó: Tiền lãi theo quy định là 43.836 đồng, Thu lợi bất chính là 1.102.805 đồng).

**03. Nguyễn Thị H** Các ngày 21, 25/3/2022, H vay 02 lần, mỗi lần 4.000.000 đồng, phí dịch vụ 200.000 đồng/lần, H trả 5.000.000 đồng/lần, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. H còn nợ H 1.600.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 1.609.863 đồng (trong đó: Tiền lãi theo quy định là 70.137 đồng, Thu lợi bất chính là 1.539.726 đồng).

**04. Lê Thị Q:** Ngày 18/3/2022, Q vay 4.000.000 đồng, phí dịch vụ 200.000 đồng, H trả 5.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. H Thu lợi 956.164 đồng (trong đó: Tiền lãi theo quy định là 43.836 đồng, Thu lợi bất chính là 912.328 đồng).

- Ngày 18/3/2022, Q vay 8.000.000 đồng, phí dịch vụ 400.000 đồng, H trả 10.000.000 đồng, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. H Thu lợi 1.912.329 đồng (trong đó: Tiền lãi theo quy định là 87.671 đồng, Thu lợi bất chính là 1.824.658 đồng).

**05. Phạm Thị Lệ T** Các ngày 16, 31/3/2022, T vay 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, phí dịch vụ 500.000 đồng/lần, H trả 12.500.000 đồng/lần, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/ năm. T còn nợ H 6.500.000 đồng tiền gốc. H tthu lợi

4.024.658 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 175.342 đồng, Thu lợi bất chính là 3.849.316 đồng*).

**06. Võ Thị Thúy H** Các ngày 19/3 và 04/4 năm 2022, Huyền vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 300.000 đồng/lần, pH trả 6.250.000 đồng/lần, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/ năm. Huyền còn nợ H 4.250.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 1.923.288 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 76.712 đồng, Thu lợi bất chính là 1.846.576 đồng*).

**07. Nguyễn Thị Tuyết N** Ngày 24/3/2022, N vay 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 300.000 đồng, pH trả 6.250.000 đồng, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. N còn nợ H 1.500.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 961.644 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 38.356 đồng, Thu lợi bất chính là 923.288 đồng*).

**08. Nguyễn Thị A** Ngày 25/3/2022, Anh vay 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 300.000 đồng, H trả 6.250.000 đồng, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. Anh còn nợ H 1.750.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 914.384 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 35.616 đồng, Thu lợi bất chính là 878.768 đồng*).

**09. Đỗ Thị P** Các ngày 20/02, 12/3 và 04/4 năm 2022, P vay 03 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, phí dịch vụ 600.000 đồng/lần, H trả 12.500.000 đồng/lần, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/ năm. P còn nợ H 8.500.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 6.809.590 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 290.410 đồng, Thu lợi bất chính là 6.519.180 đồng*).

**10. Huỳnh Thị Y** Ngày 21/3/2022, Y vay 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 250.000 đồng, pH trả 6.250.000 đồng, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. Y còn nợ H 250.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 1.147.945 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 52.055 đồng, Thu lợi bất chính là 1.095.890 đồng*).

**11. Phan Thị H** Các ngày 25, 28/3/2022, H vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 300.000 đồng/lần, H trả 6.250.000 đồng/lần, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/ năm. H còn nợ H 3.250.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 1.876.027 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 73.973 đồng, Thu lợi bất chính là 1.802.054 đồng*).

**12. Trần Thị Kim C** Ngày 25/3/2022, C vay 10.000.000 đồng, phí dịch vụ 600.000 đồng, pH trả 12.500.000 đồng, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất

365%/năm. C còn nợ H 3.500.000 đồng tiền gốc. H thu lợi 1.828.767 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 71.233 đồng, thu lợi bất chính là 1.757.534 đồng*).

**13. Lê Thụy T** Các ngày 05, 20, 27/3/2022, T vay 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 300.000 đồng/lần, H trả 6.250.000 đồng/lần, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/ năm. T còn nợ H 2.750.000 đồng tiền gốc. H thu lợi 3.452.055 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 147.945 đồng, thu lợi bất chính là 3.304.110 đồng*).

**14. Nguyễn Thị Nhật M** Ngày 04/3/2022, Minh vay 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 300.000 đồng, pH trả 6.250.000 đồng, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. H Thu lợi 1.481.507 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 68.493 đồng, Thu lợi bất chính là 1.413.014 đồng*).

- Ngày 23/3/2022, Minh vay 10.000.000 đồng, phí dịch vụ 550.000 đồng, pH trả 12.500.000 đồng, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. Minh còn nợ H 2.000.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 2.062.329 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 87.671 đồng, Thu lợi bất chính là 1.974.658 đồng*).

**15. Huỳnh Thị Ngọc T:** Ngày 26/3/2022, T vay 10.000.000 đồng, phí dịch vụ 600.000 đồng, pH trả 12.500.000 đồng, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. T còn nợ H 5.000.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 1.545.205 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 54.795 đồng, Thu lợi bất chính là 1.490.410 đồng*).

**16. Huỳnh Thị T H** Các ngày 19/3 và 02/4/2022, H vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, phí dịch vụ 200.000 đồng/lần, pH trả 6.250.000 đồng/lần, trong vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. H còn nợ H 4.000.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 1.770.548 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 79.452 đồng, Thu lợi bất chính là 1.691.096 đồng*).

**17. Cao Thị Bích N** Các ngày 02 và 20/3/2022, Nhựt vay 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, phí dịch vụ 400.000 đồng/lần, H trả 12.800.000 đồng/lần, trong vòng 32 ngày, tương đương lãi suất 319,38%/năm. Nhựt còn nợ H 2.400.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 4.983.048 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 279.452 đồng, Thu lợi bất chính là 4.703.596 đồng*).

**18. Nguyễn Thị Minh D** Các ngày 06 và 18/3/2022, D vay 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, phí dịch vụ 500.000 đồng/lần, pH trả 12.500.000 đồng/lần, trong

vòng 25 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm. D còn nợ H 5.000.000 đồng tiền gốc. H Thu lợi 4.308.219 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 191.781 đồng, Thu lợi bất chính là 4.116.438 đồng*).

Như vậy, tổng cộng Lê Bá H đã cho 18 người vay tiền với 40 lượt vay, mức lãi suất từ 319,38%/năm đến 451,90%/năm (*vượt mức lãi suất 100%/năm*). Tổng số tiền cho vay là 260.000.000 đồng. Tổng số tiền Thu lợi 58.639.007 đồng (*trong đó: Tiền lãi theo quy định là 2.633.970 đồng; Thu lợi bất chính là 56.005.037 đồng*).

Quá trình điều tra, Lê Bá H đã khai nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội như nêu trên, việc khai nhận của H phù hợp với lời khai của những người vay tiền, những vật chứng T giữ và các chứng khác có trong hồ sơ vụ án.

### **Xử lý vật chứng:**

Chuyển Chi cục THA dân sự quận Hải Châu để chờ xử lý:

+ 145.444.000 đồng (bắt quả tang: 1.250.000 đồng; trong ví da: 1.040.000 đồng; H tự nguyện giao nộp: 143.154.000 đồng).

+ 01 xe mô tô Yamaha Jupiter, màu xám - đen, biển số 92C1-260.05, số máy E3S1E079363, số khung 1340HY044509; 01 giấy mua bán xe; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Huỳnh Văn Tuấn.

+ 01 ĐTDĐ hiệu Oppo Reno 3, màu đen, Imei 1: 860202042365990, Imei 2: 860202042982, gắn thẻ sim 1: 0966780122, thẻ sim 2: 0888136113;

+ 01 ví da màu đen, kích thước (10x12)cm; 01 thẻ ngân Hng Vietcom Bank tên Lê Bá H, số tài khoản: 1016387998; 01 thẻ ngân Hng MB Bank mang tên Lê Bá H, số tài khoản: 0888136113;

- Lưu theo hồ sơ vụ án:

+ Bản sao kê tài khoản mang tên Lê Bá H tại các ngân Hng Vietcombank số 1016387998, MBbank số 0888136113, gồm 41 tờ, đánh số từ 271 đến 311.

+ Trích sao lịch sử giao dịch tài khoản ngân Hng của: Cao Thị Bích N (*ABBank số 0451013036013*), gồm 11 tờ, đánh số từ 164 đến 174; Võ Thị Thúy H (*SHB số 1011094130*), gồm 02 tờ, đánh số từ 42 đến 43.

+ Bản ảnh thể hiện việc chuyển tiền từ tài khoản ngân Hng MBbank số 0796605725 của Nguyễn Thị A đến tài khoản ngân Hng VietcomBank số 1016387998 của Lê Bá H.



+ Bản ảnh thể hiện lịch sử cuộc gọi trong điện thoại di động hiệu Oppo Reno 3 màu đen T giữ của Lê Bá H.

Tại bản cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 30 tháng 8 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân quận H Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Bá H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh nói trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt **Lê Bá H** từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/4/2022 đến ngày 15/4/2022 (9 ngày tạm giữ = 27 ngày cải tạo không giam giữ). Không khấu trừ mức T nhập đối với bị cáo khi chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 3, Điều 201 BLHS xử phạt bổ sung bị cáo H từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng.

Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

*Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :*

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người đã tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xem xét các chứng cứ, tài liệu, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến ngày 06/4/2022, trên địa bàn quận Hải Châu và các quận khác của thành phố Đà Nẵng, Lê Bá H đã thực hiện hoạt động cho 18 người vay tiền, tổng số 40 lượt vay, với mức lãi suất từ 319,38% đến 451,90%/năm, thu lời bất chính tổng số tiền 56.005.037 đồng và số tiền phí dịch vụ thu lợi là 13.650.000 đồng

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo cho người dân vay với nhiều hình thức, mức tiền lãi từ 319,38%/ năm đến 451,90%/ năm mà theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đã quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất không được quá 20%/ năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”. Theo đó, lãi suất cao nhất theo trong Bộ luật dân sự là 20%/ năm, Như vậy, lãi suất gấp 05 lần trở lên lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự 2015 là 100%/ năm. Hành vi của bị cáo đã cho vay gấp nhiều lần theo quy định của pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động tài chính ngân hàng và làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương. Do vậy, đối với bị cáo cần phải xử phạt với mức án tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên xét bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về Hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các tình tiết giảm nhẹ này sẽ được HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3] Về xử lý tang vật trong vụ án:

Trong quá trình điều tra đã thu giữ của Lê Bá H :

+ Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Oppo Reno 3, màu đen, Imei 1: 860202042365990, Imei 2: 860202042982, gắn thẻ sim 1: 0966780122, thẻ sim 2: 0888136113 và số tiền 145.444.000 đồng; 01 xe mô tô Yamaha Jupiter, màu xám - đen, biển số 92C1-

260.05, số máy E3S1E079363, số khung 1340HY044509; 01 giấy mua bán xe; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Huỳnh Văn Tuấn. Xét thấy đây là toàn bộ tang vật dùng vào việc phạm tội nên tuY tịch T sung công quỹ NH nước.

+ Đối với 01 ví da màu đen, kích thước (10x12)cm; 01 thẻ ngân Hng Vietcom Bank tên Lê Bá H, số tài khoản: 1016387998; 01 thẻ ngân hàng MB Bank mang tên Lê Bá H, số tài khoản: 0888136113 tuY trả lại cho Lê Bá H.

+ Đối với số tiền 145.444.000 đồng ý trả cho Lê Bá H nhưng tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

- Lưu theo hồ sơ vụ án:

+ Bản sao kê tài khoản mang tên Lê Bá H tại các ngân hàng Vietcombank số 1016387998, MBbank số 0888136113, gồm 41 tờ, đánh số từ 271 đến 311.

+ Trích sao lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của: Cao Thị Bích N (ABBank số 0451013036013), gồm 11 tờ, đánh số từ 164 đến 174; Võ Thị Thúy H (SHB số 1011094130), gồm 02 tờ, đánh số từ 42 đến 43.

+ Bản ảnh thể hiện việc chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng MBbank số 0796605725 của Nguyễn Thị A đến tài khoản ngân hàng VietcomBank số 1016387998 của Lê Bá H.

+ Bản ảnh thể hiện lịch sử cuộc gọi trong điện thoại di động hiệu Oppo Reno 3 màu đen T giữ của Lê Bá H.

#### [4]. Về biện pháp tư pháp :

[4.1] Trong vụ án này Lê Bá H bỏ tiền ra để thực hiện hành vi phạm tội và thu lợi bất chính trong đó bao gồm tiền gốc và lãi vượt quá quy định; Tiền lãi trong mức 20% theo quy định nhưng là tài sản phát sinh từ hành vi phạm tội, tiền phí dịch vụ từ hoạt động cho vay. Trong đó, tổng số tiền vốn gốc H bỏ ra cho vay là **260.000.000 đồng** và đã thu hồi số tiền là **207.000.000 đồng** nên buộc H phải nộp lại sung công quỹ.

[4.2] Số tiền chưa thu hồi : **53.000.000 đồng**. Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại sung công quỹ:

1. Bà Trần Thị L : 550.000 đồng.
2. Ông Trần Công T : 200.000 đồng.
3. Bà Nguyễn Thị H : 1.600.000 đồng.

4. Bà Phạm Thị Lệ T : 6.500.000 đồng.
5. Bà Võ Thị Thúy H : 4.250.000 đồng.
6. Bà Nguyễn Thị Tuyết N : 1.500.000 đồng.
7. Bà Nguyễn Thị A : 1.750.000 đồng
8. Bà Đỗ Thị P : 8.500.000 đồng.
9. Bà Huỳnh Thị Y : 250.000 đồng.
10. Bà Phan Thị H : 3.250.000 đồng.
11. Bà Trần Thị Kim C: 3.500.000 đồng
12. Bà Lê Thụy T : 2.750.000 đồng
13. Bà Nguyễn Thị Nhật M : 2.000.000 đồng.
14. Bà Huỳnh Thị Ngọc T : 5.000.000 đồng.
15. Bà Huỳnh Thị T H : 4.000.000 đồng.
16. Bà Cao Thị Bích N: 2.400.000 đồng
17. Bà Nguyễn Thị Minh D: 5.000.000 đồng

[4.3] Buộc Lê Bá H phải nộp : Số tiền lãi suất 20%/năm tiền lãi trong mức lãi suất quy định Bộ luật dân sự tổng cộng là **2.633.970 đồng** đây là tiền phát sinh từ Hnh vi phạm tội và số tiền phí dịch vụ **13.650.000 đồng** để sung công quỹ Nhà nước.

[4.4] Số tiền thu lợi bất chính vượt mức 20% là **42.555.037đồng** là tiền bị cáo H thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên buộc bị cáo H phải trả lại cho người liên quan :

1. Bà Trần Thị L : 5.244.522 đồng.
2. Ông Trần Công T : 6.467.875 đồng.
3. Bà Nguyễn Thị H : 1.339.726 đồng.
4. Bà Lê Thị Q : 2.136.986 đồng.
5. Bà Phạm Thị Lệ T : 2.849.316 đồng.
6. Bà Võ Thị Thúy H : 1.246.576 đồng.
7. Bà Nguyễn Thị Tuyết N : 623.288 đồng.
8. Bà Nguyễn Thị A : 578.768 đồng
9. Bà Đỗ Thị P : 4.719.180 đồng.
10. Bà Huỳnh Thị Y : 845.890 đồng.
11. Bà Phan Thị H : 1.202.054 đồng.

12. Bà Trần Thị Kim C: 1.157.534 đồng
13. Bà Lê Thụy T : 2.404.110 đồng
14. Bà Nguyễn Thị Nhật M : 2.537.672 đồng.
15. Bà Huỳnh Thị Ngọc T : 890.410 đồng.
16. Bà Huỳnh Thị T H : 1.291.096 đồng.
17. Bà Cao Thị Bích N: 3.903.596 đồng.
18. Bà Nguyễn Thị Minh D: 3.116.438 đồng.

**[5]** Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**I. TuY bố:** Bị cáo **Lê Bá H** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Lê Bá H 18 ( mười tám )** tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/4/2022 đến ngày 15/4/2022 (9 ngày tạm giữ = 27 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Bá H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung Lê Bá H số tiền 30.000.000 đồng

**II. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước của Lê Bá H: 01 ĐTDĐ hiệu Oppo Reno 3, màu đen, Imei 1: 860202042365990, Imei 2: 860202042982, gắn thẻ sim 1: 0966780122, thẻ sim 2: 0888136113; 01 xe mô tô Yamaha Jupiter, màu xám - đen, biển số 92C1-260.05, số máy E3S1E079363, số khung 1340HY044509; 01 giấy mua bán xe; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Huỳnh Văn Tuấn.

2. Tuyên tiếp tục quy trừ số tiền 145.444.000 đồng của Lê Bá H để đảm bảo thi Hình án

3. Tuyên trả lại cho Lê Bá H: 01 ví da màu đen, kích thước (10x12)cm; 01 thẻ ngân hàng Vietcom Bank tên Lê Bá H, số tài khoản: 1016387998; 01 thẻ ngân hàng MB Bank mang tên Lê Bá H, số tài khoản: 0888136113.

*(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/9/2022)*

3. Tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

+ Bản sao kê tài khoản mang tên Lê Bá H tại các ngân hàng Vietcombank số 1016387998, MBbank số 0888136113, gồm 41 tờ, đánh số từ 271 đến 311.

+ Trích sao lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của: Cao Thị Bích N (ABBank số 0451013036013), gồm 11 tờ, đánh số từ 164 đến 174; Võ Thị Thúy H (SHB số 1011094130), gồm 02 tờ, đánh số từ 42 đến 43.

+ Bản ảnh thể hiện việc chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng MBbank số 0796605725 của Nguyễn Thị A đến tài khoản ngân hàng VietcomBank số 1016387998 của Lê Bá H.

+ Bản ảnh thể hiện lịch sử cuộc gọi trong điện thoại di động hiệu Oppo Reno 3 màu đen T giữ của Lê Bá H.

**III. Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47, 48 Bộ luật hình sự:

1. Buộc bị cáo Lê Bá H phải nộp số tiền **207.000.000 đồng** đồng là phương tiện phạm tội; Số tiền lãi suất 20%/năm tiền lãi trong mức lãi suất quy định Bộ luật dân sự tổng cộng là **2.633.970 đồng** và số tiền phí dịch vụ **13.650.000 đồng**. Tổng cộng là **223.283.970 đồng** để sung công quỹ nhà nước.

2. Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc chưa trả để sung công quỹ Nhà nước, số tiền từng người phải nộp cụ thể như sau:

1. Bà Trần Thị L : 550.000 đồng.
2. Ông Trần Công T : 200.000 đồng.
3. Bà Nguyễn Thị H : 1.600.000 đồng.
4. Bà Phạm Thị Lệ T : 6.500.000 đồng.
5. Bà Võ Thị Thúy H : 4.250.000 đồng.

6. Bà Nguyễn Thị Tuyết N : 1.500.000 đồng.
7. Bà Nguyễn Thị A : 1.750.000 đồng
8. Bà Đỗ Thị P : 8.500.000 đồng.
9. Bà Huỳnh Thị Y : 250.000 đồng.
10. Bà Phan Thị H : 3.250.000 đồng.
11. Bà Trần Thị Kim C: 3.500.000 đồng
12. Bà Lê Thụy T : 2.750.000 đồng
13. Bà Nguyễn Thị Nhật M : 2.000.000 đồng.
14. Bà Huỳnh Thị Ngọc T : 5.000.000 đồng.
15. Bà Huỳnh Thị T H : 4.000.000 đồng.
16. Bà Cao Thị Bích N: 5.000.000 đồng
17. Bà Nguyễn Thị Minh D: 2.400.000 đồng
- 3. Buộc Lê Bá H phải trả lại cho những người liên quan, số tiền cụ thể như**

sau:

1. Bà Trần Thị L : 5.244.522 đồng.
2. Ông Trần Công T : 6.467.875 đồng.
3. Bà Nguyễn Thị H : 1.339.726 đồng.
4. Bà Lê Thị Q : 2.136.986 đồng.
5. Bà Phạm Thị Lệ T : 2.849.316 đồng.
6. Bà Võ Thị Thúy H : 1.246.576 đồng.
7. Bà Nguyễn Thị Tuyết N : 623.288 đồng.
8. Bà Nguyễn Thị A : 578.768 đồng
9. Bà Đỗ Thị P : 4.719.180 đồng.
10. Bà Huỳnh Thị Y : 845.890 đồng.
11. Bà Phan Thị H : 1.202.054 đồng.
12. Bà Trần Thị Kim C: 1.157.534 đồng
13. Bà Lê Thụy T : 2.404.110 đồng
14. Bà Nguyễn Thị Nhật M : 2.537.672 đồng.
15. Bà Huỳnh Thị Ngọc T : 890.410 đồng.
16. Bà Huỳnh Thị T H : 1.291.096 đồng.
17. Bà Cao Thị Bích N: 3.903.596 đồng.

18. Bà Nguyễn Thị Minh D: 3.116.438 đồng.

**IV. Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**V.** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 21/9/2022; Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận**

- VKSND Q. H Châu
- Công an Q. H Châu
- Chi cục THADS Q. H Châu
- Các bị cáo
- Những người TGTT
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**ĐẶNG NGỌC KINH LUÂN**



